

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 06/2025**

- Địa điểm lấy mẫu: Các trạm, hệ cấp nước
- Nguồn nước: Nước ngầm đã qua xử lý
- Ngày lấy mẫu: Từ ngày 09/06/2025 đến 20/06/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 09/06/2025 đến 27/06/2025
- Tình trạng mẫu: Trong chai kín

| STT | Tên công trình          | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                         | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                         | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 1   | Trạm cấp nước Long Bình | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 3,87    | Không có mùi vị lạ | 0,59   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 3,87    | Không có mùi vị lạ | 0,57   | 0,32    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 3,87    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
| 2   | Trạm cấp nước Mỹ Quới   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 3,85    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 3,85    | Không có mùi vị lạ | 0,49   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 3,85    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 3   | Trạm cấp nước Long Tân  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 0,86    | Không có mùi vị lạ | 0,34   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 0,86    | Không có mùi vị lạ | 0,32   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |

| STT | Tên công trình          | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                         | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                         | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 0,86    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,10 |          |
| 4   | Trạm cấp nước Tân Long  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 2,60    | Không có mùi vị lạ | 0,49   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 2,60    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 2,60    | Không có mùi vị lạ | 0,46   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 5   | Trạm cấp nước Vĩnh Quới | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 1,12    | Không có mùi vị lạ | 0,34   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 1,12    | Không có mùi vị lạ | 0,33   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 1,12    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 6   | Hệ cấp nước Ấp 2-NN     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 1,05    | Không có mùi vị lạ | 0,35   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 1,05    | Không có mùi vị lạ | 0,33   | 0,42    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 1,05    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
| 7   | Hệ cấp nước Vĩnh Tiền   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 0,80    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 0,80    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 0,80    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |



| STT | Tên công trình          | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                         | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                         | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 8   | Nhà máy số 01           | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 0,71    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 0,71    | Không có mùi vị lạ | 0,49   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 0,71    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 9   | Trạm cấp nước Châu Hưng | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 7,10    | Không có mùi vị lạ | 0,49   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,09 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 7,10    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 7,10    | Không có mùi vị lạ | 0,45   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,07 | Đạt      |
| 10  | Trạm cấp nước Tuần Túc  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,33    | Không có mùi vị lạ | 0,58   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,33    | Không có mùi vị lạ | 0,57   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,33    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 11  | Trạm cấp nước Thạnh Tân | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 4,13    | Không có mùi vị lạ | 0,26   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 4,13    | Không có mùi vị lạ | 0,25   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,07 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 4,13    | Không có mùi vị lạ | 0,24   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,06 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 3,02    | Không có mùi vị lạ | 0,45   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |

| STT | Tên công trình         | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                        | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                        | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 12  | Trạm cấp nước Vĩnh Lợi | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 3,02    | Không có mùi vị lạ | 0,44   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 3,02    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                        |                                          |       |         |                    |        |         |          |        |      |          |
| 13  | Trạm cấp nước Lâm Kiết | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 3,62    | Không có mùi vị lạ | 0,66   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 3,62    | Không có mùi vị lạ | 0,64   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 3,62    | Không có mùi vị lạ | 0,62   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 14  | Hệ cấp nước Kiết Lập A | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 4,49    | Không có mùi vị lạ | 0,66   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 4,49    | Không có mùi vị lạ | 0,64   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 4,49    | Không có mùi vị lạ | 0,62   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 15  | Hệ cấp nước Rẫy Mới    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 4,01    | Không có mùi vị lạ | 0,57   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 4,01    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 4,01    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
| 16  | Trạm cấp nước Lâm Tân  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,30    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                        | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,30    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                  | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|---------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                 | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                 | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,30    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,16 |          |
| 17  | Trạm cấp nước Viên Bình         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 4,45    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,63    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 4,45    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 4,45    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| 18  | Trạm cấp nước Thạnh Thới An     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,73    | Không có mùi vị lạ | 0,91   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,73    | Không có mùi vị lạ | 0,89   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,73    | Không có mùi vị lạ | 0,88   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 19  | Trạm cấp nước Bung Sa - Trà Đức | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 4,13    | Không có mùi vị lạ | 0,88   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 4,13    | Không có mùi vị lạ | 0,86   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 4,13    | Không có mùi vị lạ | 0,84   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 20  | Trạm cấp nước Mô Ó              | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 4,55    | Không có mùi vị lạ | 1,20   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 4,55    | Không có mùi vị lạ | 1,18   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 4,55    | Không có mùi vị lạ | 1,16   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                 | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 21  | Trạm cấp nước Tài Văn 2        | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 2,80    | Không có mùi vị lạ | 0,44   | 0,55    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 2,80    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 2,80    | Không có mùi vị lạ | 0,40   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 22  | Trạm cấp nước Tài Văn 1        | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 3,84    | Không có mùi vị lạ | 1,13   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 3,84    | Không có mùi vị lạ | 1,11   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 3,84    | Không có mùi vị lạ | 1,09   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 23  | Trạm cấp nước Thanh Thới Thuận | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 4,20    | Không có mùi vị lạ | 0,67   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,26 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 4,20    | Không có mùi vị lạ | 0,65   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,25 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 4,20    | Không có mùi vị lạ | 0,63   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,24 | Đạt      |
| 24  | Trạm cấp nước Liêu Tú          | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,93    | Không có mùi vị lạ | 1,19   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,93    | Không có mùi vị lạ | 1,17   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,93    | Không có mùi vị lạ | 1,15   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 3,34    | Không có mùi vị lạ | 1,24   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                  | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|---------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                 | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                 | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 25  | Trạm cấp nước Trung Bình        | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 3,34    | Không có mùi vị lạ | 1,22   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 3,34    | Không có mùi vị lạ | 1,20   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
| 26  | Trạm cấp nước Áp Chợ (Đại Ân 2) | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 2,15    | Không có mùi vị lạ | 0,39   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 2,1     | Không có mùi vị lạ | 0,37   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 2,15    | Không có mùi vị lạ | 0,35   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 27  | Hệ cấp nước Đầu Giồng           | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 2,48    | Không có mùi vị lạ | 1,17   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 2,48    | Không có mùi vị lạ | 1,15   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 2,48    | Không có mùi vị lạ | 1,13   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
| 28  | Hệ cấp nước Tắc Bướm            | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 6,29    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 6,29    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 6,29    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| 29  | Hệ cấp nước Thanh Nhân          | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 4,76    | Không có mùi vị lạ | 0,65   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                                 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 4,76    | Không có mùi vị lạ | 0,63   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |



| STT | Tên công trình        | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-----------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                       | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                       | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 4,76    | Không có mùi vị lạ | 0,61   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,18 |          |
| 30  | Nhà máy số 02         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 4,11    | Không có mùi vị lạ | 0,89   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 4,11    | Không có mùi vị lạ | 0,87   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 4,11    | Không có mùi vị lạ | 0,85   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
| 31  | Hệ cấp nước Lao Dên   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 3,58    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 3,58    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 3,58    | Không có mùi vị lạ | 0,48   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
| 32  | Hệ cấp nước Áp Chợ    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 1,79    | Không có mùi vị lạ | 0,94   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 1,79    | Không có mùi vị lạ | 0,92   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 1,79    | Không có mùi vị lạ | 0,90   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 33  | Trạm cấp nước Phú Tân | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 1,12    | Không có mùi vị lạ | 0,59   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 1,12    | Không có mùi vị lạ | 0,58   | 0,42    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                       | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 1,12    | Không có mùi vị lạ | 0,57   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |



| STT | Tên công trình            | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|---------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                           | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                           | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 34  | Trạm cấp nước TĐC An Hiệp | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,42    | Không có mùi vị lạ | 0,66   | 0,63    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,42    | Không có mùi vị lạ | 0,64   | 0,42    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,42    | Không có mùi vị lạ | 0,62   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 35  | Trạm cấp nước An Hiệp     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 1,99    | Không có mùi vị lạ | 0,59   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 1,99    | Không có mùi vị lạ | 0,57   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 1,99    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 36  | Trạm cấp nước Phú Tâm     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,59    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,59    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,59    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
| 37  | Trạm cấp nước Thuận Hòa B | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 2,04    | Không có mùi vị lạ | 0,69   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 2,04    | Không có mùi vị lạ | 0,68   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 2,04    | Không có mùi vị lạ | 0,67   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 1,95    | Không có mùi vị lạ | 0,60   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |



| STT | Tên công trình              | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-----------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                             | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                             | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 38  | Trạm cấp nước An Ninh       | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 1,95    | Không có mùi vị lạ | 0,58   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 1,95    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 39  | Trạm cấp nước Thiện Mỹ      | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 4,25    | Không có mùi vị lạ | 0,63   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 4,25    | Không có mùi vị lạ | 0,62   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 4,25    | Không có mùi vị lạ | 0,60   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 40  | Hệ cấp nước Xà Lang         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 4,08    | Không có mùi vị lạ | 0,99   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 4,08    | Không có mùi vị lạ | 0,97   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 4,08    | Không có mùi vị lạ | 0,95   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| 41  | Hệ cấp nước Đắc Lực         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 3,16    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 3,16    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 3,16    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 42  | Trạm cấp nước TĐC Thuận Hòa | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 1,06    | Không có mùi vị lạ | 0,70   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                             | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 1,06    | Không có mùi vị lạ | 0,68   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |



| STT | Tên công trình            | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|---------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                           | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                           | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 1,06    | Không có mùi vị lạ | 0,67   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,12 |          |
| 43  | Trạm cấp nước Thuận Hòa A | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 3,56    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 3,56    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 3,56    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 44  | Hệ cấp nước Xây Đá A      | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 3,59    | Không có mùi vị lạ | 0,58   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 3,59    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 3,59    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 45  | Trạm cấp nước Mỹ Đức      | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 3,90    | Không có mùi vị lạ | 0,68   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 3,90    | Không có mùi vị lạ | 0,67   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 3,90    | Không có mùi vị lạ | 0,65   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 46  | Trạm cấp nước Tân Thạnh   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 6,48    | Không có mùi vị lạ | 0,40   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 6,48    | Không có mùi vị lạ | 0,38   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 6,48    | Không có mùi vị lạ | 0,37   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |



| STT | Tên công trình               | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                              | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                              | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 47  | Trạm cấp nước Long Phú       | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 1,44    | Không có mùi vị lạ | 0,61   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 1,44    | Không có mùi vị lạ | 0,59   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,07 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 1,44    | Không có mùi vị lạ | 0,58   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,06 | Đạt      |
| 48  | Trạm cấp nước Phú Hữu        | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 3,51    | Không có mùi vị lạ | 1,54   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 3,51    | Không có mùi vị lạ | 1,52   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 3,51    | Không có mùi vị lạ | 1,50   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
| 49  | Trạm cấp nước Song Phụng     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 3,67    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 3,67    | Không có mùi vị lạ | 0,49   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 3,67    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 50  | Trạm cấp nước Trường Khánh 2 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 1,49    | Không có mùi vị lạ | 0,99   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 1,49    | Không có mùi vị lạ | 0,97   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 1,49    | Không có mùi vị lạ | 0,95   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 1,35    | Không có mùi vị lạ | 0,95   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |

| STT | Tên công trình               | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                              | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                              | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 51  | Trạm cấp nước Trường Khánh 1 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 1,35    | Không có mùi vị lạ | 0,94   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 1,35    | Không có mùi vị lạ | 0,92   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 52  | Hệ cấp nước Tân Lịch         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 1,71    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 1,71    | Không có mùi vị lạ | 0,29   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 1,71    | Không có mùi vị lạ | 0,28   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
| 53  | Hệ cấp nước Sóc Dong         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 0,73    | Không có mùi vị lạ | 1,18   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 0,73    | Không có mùi vị lạ | 1,17   | 0,42    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 0,73    | Không có mùi vị lạ | 1,15   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 54  | Hệ cấp nước Ấp 5-Long Phú    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 1,42    | Không có mùi vị lạ | 0,89   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 1,42    | Không có mùi vị lạ | 0,87   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 1,42    | Không có mùi vị lạ | 0,85   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 55  | Hệ cấp nước Ấp 4-Châu Khánh  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 5,23    | Không có mùi vị lạ | 1,22   | 0,56    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                              | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 5,23    | Không có mùi vị lạ | 1,20   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |



| STT | Tên công trình           | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                          | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                          | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 5,23    | Không có mùi vị lạ | 1,18   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,12 |          |
| 56  | Hệ cấp nước Tân Quy A    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 1,48    | Không có mùi vị lạ | 1,13   | 0,55    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 1,48    | Không có mùi vị lạ | 1,12   | 0,34    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 1,48    | Không có mùi vị lạ | 1,11   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
| 57  | Trạm cấp nước Châu Khánh | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 1,83    | Không có mùi vị lạ | 1,06   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 1,83    | Không có mùi vị lạ | 1,04   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 1,83    | Không có mùi vị lạ | 1,02   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 58  | Trạm cấp nước Tân Hưng   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 1,09    | Không có mùi vị lạ | 0,88   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 1,09    | Không có mùi vị lạ | 0,86   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 1,09    | Không có mùi vị lạ | 0,84   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 59  | Trạm cấp nước Khánh Hòa  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 2,62    | Không có mùi vị lạ | 1,36   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 2,62    | Không có mùi vị lạ | 1,34   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 2,62    | Không có mùi vị lạ | 1,33   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |



| STT | Tên công trình           | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                          | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                          | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 60  | Trạm cấp nước Preychop   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,9   | 3,77    | Không có mùi vị lạ | 1,29   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,9   | 3,77    | Không có mùi vị lạ | 1,28   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,9   | 3,77    | Không có mùi vị lạ | 1,26   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
| 61  | Trạm cấp nước Hòa Đông 1 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 3,25    | Không có mùi vị lạ | 0,94   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,28 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 3,25    | Không có mùi vị lạ | 0,92   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,27 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 3,25    | Không có mùi vị lạ | 0,90   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,26 | Đạt      |
| 62  | Trạm cấp nước Vĩnh Châu  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 3,27    | Không có mùi vị lạ | 1,43   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 3,27    | Không có mùi vị lạ | 1,41   | 0,34    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 3,27    | Không có mùi vị lạ | 1,39   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
| 63  | Trạm cấp nước Vĩnh Hải   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 1,63    | Không có mùi vị lạ | 1,34   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 1,63    | Không có mùi vị lạ | 1,32   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 1,63    | Không có mùi vị lạ | 1,31   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 4,18    | Không có mùi vị lạ | 0,43   | 0,56    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                    | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                   | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                   | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 64  | Trạm cấp nước Vĩnh Phước-Vĩnh Tân | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 4,18    | Không có mùi vị lạ | 0,41   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 4,18    | Không có mùi vị lạ | 0,39   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 65  | Trạm cấp nước Vĩnh Phước          | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 4,40    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 4,40    | Không có mùi vị lạ | 0,41   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 4,40    | Không có mùi vị lạ | 0,39   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
| 66  | Trạm cấp nước Vĩnh Hiệp           | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 1,11    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,63    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 1,11    | Không có mùi vị lạ | 0,29   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 1,11    | Không có mùi vị lạ | 0,27   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 67  | Trạm cấp nước Lai Hòa             | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 4,21    | Không có mùi vị lạ | 0,49   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 4,21    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 4,21    | Không có mùi vị lạ | 0,45   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 68  | Trạm cấp nước Lạc Hòa             | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 3,22    | Không có mùi vị lạ | 0,58   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 3,22    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |

| STT | Tên công trình            | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|---------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                           | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                           | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 3,22    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,16 |          |
| 69  | Trạm cấp nước Vĩnh Tân    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 2,70    | Không có mùi vị lạ | 1,30   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 2,70    | Không có mùi vị lạ | 1,28   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 2,70    | Không có mùi vị lạ | 1,27   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 70  | Trạm cấp nước Giồng Chùa  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 2,46    | Không có mùi vị lạ | 1,40   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,24 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 2,46    | Không có mùi vị lạ | 1,38   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 2,46    | Không có mùi vị lạ | 1,37   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
| 71  | Hệ cấp nước Vĩnh Tân      | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 2,56    | Không có mùi vị lạ | 0,97   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 2,56    | Không có mùi vị lạ | 0,95   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 2,56    | Không có mùi vị lạ | 0,93   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
| 72  | Trạm cấp nước Thới An Hội | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 1,37    | Không có mùi vị lạ | 0,48   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 1,37    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                           | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 1,37    | Không có mùi vị lạ | 0,46   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |



| STT | Tên công trình           | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                          | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                          | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 73  | Trạm cấp nước Ba Trinh   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 3,15    | Không có mùi vị lạ | 0,64   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,09 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 3,15    | Không có mùi vị lạ | 0,63   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 3,15    | Không có mùi vị lạ | 0,61   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,07 | Đạt      |
| 74  | Trạm cấp nước An Mỹ      | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 3,63    | Không có mùi vị lạ | 0,77   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 3,63    | Không có mùi vị lạ | 0,75   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 3,63    | Không có mùi vị lạ | 0,73   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 75  | Trạm cấp nước Nhơn Mỹ    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 4,44    | Không có mùi vị lạ | 0,40   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 4,44    | Không có mùi vị lạ | 0,38   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 4,44    | Không có mùi vị lạ | 0,37   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| 76  | Trạm cấp nước An Lạc Tây | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 2,11    | Không có mùi vị lạ | 0,48   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 2,11    | Không có mùi vị lạ | 0,46   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 2,11    | Không có mùi vị lạ | 0,45   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,09 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 5,62    | Không có mùi vị lạ | 0,46   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |

| STT | Tên công trình             | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|----------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                            | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                            | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 77  | Trạm cấp nước An Lạc Thôn  | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 5,62    | Không có mùi vị lạ | 0,44   | 0,42    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 5,62    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 78  | Trạm cấp nước Xuân Hòa     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 3,19    | Không có mùi vị lạ | 0,43   | 0,54    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 3,19    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,32    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 3,19    | Không có mùi vị lạ | 0,40   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 79  | Trạm cấp nước Kế An        | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 3,53    | Không có mùi vị lạ | 1,51   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 3,53    | Không có mùi vị lạ | 1,49   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 3,53    | Không có mùi vị lạ | 1,47   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
| 80  | Trạm cấp nước Trinh Phú    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 3,22    | Không có mùi vị lạ | 1,00   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 3,22    | Không có mùi vị lạ | 0,99   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 3,22    | Không có mùi vị lạ | 0,98   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
| 81  | Trạm cấp nước Cồn Mỹ Phước | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,9   | 3,94    | Không có mùi vị lạ | 0,43   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                            | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,9   | 3,94    | Không có mùi vị lạ | 0,41   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                    | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                   | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                   | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,9   | 3,94    | Không có mùi vị lạ | 0,39   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 82  | Trạm cấp nước TDC Đại Hải         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 5,09    | Không có mùi vị lạ | 1,25   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,27 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 5,09    | Không có mùi vị lạ | 1,23   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,26 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 5,09    | Không có mùi vị lạ | 1,21   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,25 | Đạt      |
| 83  | Trạm cấp nước Đại Hải             | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 5,89    | Không có mùi vị lạ | 1,23   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 5,89    | Không có mùi vị lạ | 1,21   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 5,89    | Không có mùi vị lạ | 1,19   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
| 84  | Trạm cấp nước Xuân Hòa-An Lạc Tây | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 2,35    | Không có mùi vị lạ | 0,46   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 2,35    | Không có mùi vị lạ | 0,44   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 2,35    | Không có mùi vị lạ | 0,43   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 85  | Hệ cấp nước Tập Rèn               | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 4,76    | Không có mùi vị lạ | 1,42   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 4,76    | Không có mùi vị lạ | 1,40   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 4,76    | Không có mùi vị lạ | 1,39   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |

| STT | Tên công trình          | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                         | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                         | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 86  | Trạm cấp nước Kế Thành  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 1,32    | Không có mùi vị lạ | 0,67   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 1,32    | Không có mùi vị lạ | 0,65   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 1,32    | Không có mùi vị lạ | 0,64   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| 87  | Trạm cấp nước Đại Tâm 1 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 2,40    | Không có mùi vị lạ | 0,67   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 2,40    | Không có mùi vị lạ | 0,65   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 2,40    | Không có mùi vị lạ | 0,63   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 88  | Trạm cấp nước Đại Tâm 2 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 2,36    | Không có mùi vị lạ | 0,26   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 2,36    | Không có mùi vị lạ | 0,24   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,09 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 2,36    | Không có mùi vị lạ | 0,22   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
| 89  | Trạm cấp nước Thạnh Phú | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 1,01    | Không có mùi vị lạ | 0,88   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 1,01    | Không có mùi vị lạ | 0,86   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 1,01    | Không có mùi vị lạ | 0,85   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 3,10    | Không có mùi vị lạ | 0,66   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,09 | Đạt      |



| STT | Tên công trình           | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                          | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                          | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 90  | Trạm cấp nước Thanh Quới | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 3,10    | Không có mùi vị lạ | 0,65   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 3,10    | Không có mùi vị lạ | 0,63   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,07 | Đạt      |
|     |                          |                                          |       |         |                    |        |         |          |        |      |          |
| 91  | Trạm cấp nước Ngọc Tổ    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 2,07    | Không có mùi vị lạ | 1,39   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 2,07    | Không có mùi vị lạ | 1,37   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 2,07    | Không có mùi vị lạ | 1,35   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 92  | Trạm cấp nước Hòa Tú 2   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 4,14    | Không có mùi vị lạ | 1,20   | 0,53    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 4,14    | Không có mùi vị lạ | 1,18   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 4,14    | Không có mùi vị lạ | 1,16   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 93  | Trạm cấp nước Tham Đôn   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 3,16    | Không có mùi vị lạ | 0,86   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 3,16    | Không có mùi vị lạ | 0,85   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 3,16    | Không có mùi vị lạ | 0,83   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 94  | Hệ cấp nước Phú Giao     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 4,86    | Không có mùi vị lạ | 1,10   | 0,57    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 4,86    | Không có mùi vị lạ | 1,08   | 0,37    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |

| STT | Tên công trình                                   | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                                  | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                                  | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 4,86    | Không có mùi vị lạ | 1,06   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
| 95  | Hệ cấp nước Rạch Sên                             | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 4,34    | Không có mùi vị lạ | 1,23   | 0,56    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 4,34    | Không có mùi vị lạ | 1,21   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 4,34    | Không có mùi vị lạ | 1,19   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 96  | Trạm cấp nước ấp Phước Hòa B (Cù Lao Dung)       | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,2   | 5,64    | Không có mùi vị lạ | 1,20   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,2   | 5,64    | Không có mùi vị lạ | 1,18   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,07 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,2   | 5,64    | Không có mùi vị lạ | 1,16   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,06 | Đạt      |
| 97  | Trạm cấp nước An Thạnh 3                         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 1,05    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 1,05    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,09 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 1,05    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,08 | Đạt      |
| 98  | Trạm cấp nước An Thạnh 2 thuộc Ấp Chợ (Thị trấn) | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 1,30    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 1,30    | Không có mùi vị lạ | 0,29   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                                                  | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 1,30    | Không có mùi vị lạ | 0,27   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                               | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                               | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 99  | Trạm cấp nước An Thạnh 2 (Xã) | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 1,23    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 1,23    | Không có mùi vị lạ | 0,40   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 1,23    | Không có mùi vị lạ | 0,39   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 100 | Trạm cấp nước Thuận Hưng A    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 3,98    | Không có mùi vị lạ | 1,08   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 3,98    | Không có mùi vị lạ | 1,07   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 3,98    | Không có mùi vị lạ | 1,05   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| 101 | Trạm cấp nước Thuận Hưng B    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,3   | 3,65    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,63    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,3   | 3,65    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,3   | 3,65    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
| 102 | Trạm cấp nước Thuận Hưng C    | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 3,85    | Không có mùi vị lạ | 0,34   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,27 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 3,85    | Không có mùi vị lạ | 0,32   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,26 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 3,85    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,25 | Đạt      |
|     |                               | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,9   | 3,89    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,58    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |

| STT | Tên công trình           | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                          | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                          | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 103 | Trạm cấp nước Mỹ Hương 1 | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,9   | 3,89    | Không có mùi vị lạ | 0,48   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,9   | 3,89    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
| 104 | Trạm cấp nước Mỹ Hương 2 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 3,53    | Không có mùi vị lạ | 0,75   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,25 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 3,53    | Không có mùi vị lạ | 0,73   | 0,39    | KPH      | KPH    | 0,24 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 3,53    | Không có mùi vị lạ | 0,71   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
| 105 | Trạm cấp nước Long Hưng  | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 4,45    | Không có mùi vị lạ | 0,78   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 4,45    | Không có mùi vị lạ | 0,77   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 4,45    | Không có mùi vị lạ | 0,75   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,10 | Đạt      |
| 106 | Trạm cấp nước Mỹ Thuận   | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 3,15    | Không có mùi vị lạ | 0,56   | 0,63    | KPH      | KPH    | 0,16 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 3,15    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,43    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 3,15    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
| 107 | Trạm cấp nước Phú Mỹ     | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,8   | 4,26    | Không có mùi vị lạ | 1,33   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                          | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,8   | 4,26    | Không có mùi vị lạ | 1,32   | 0,41    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |



| STT | Tên công trình                 | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|     |                                | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|     |                                | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,8   | 4,26    | Không có mùi vị lạ | 1,30   | 0,21    | KPH      | KPH    | 0,16 |          |
| 108 | Trạm cấp nước Hưng Phú         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,9   | 2,13    | Không có mùi vị lạ | 1,49   | 0,56    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,9   | 2,13    | Không có mùi vị lạ | 1,47   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,9   | 2,13    | Không có mùi vị lạ | 1,45   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,11 | Đạt      |
| 109 | Trạm cấp nước Mỹ Phước         | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,1   | 1,22    | Không có mùi vị lạ | 1,26   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,1   | 1,22    | Không có mùi vị lạ | 1,24   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,1   | 1,22    | Không có mùi vị lạ | 1,22   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,17 | Đạt      |
| 110 | Trạm cấp nước xã Mỹ Thuận (B2) | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 2,47    | Không có mùi vị lạ | 0,42   | 0,56    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 2,47    | Không có mùi vị lạ | 0,41   | 0,36    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 2,47    | Không có mùi vị lạ | 0,38   | 0,20    | KPH      | KPH    | 0,12 | Đạt      |
| 111 | Hệ cấp nước K6-P8              | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,5   | 1,50    | Không có mùi vị lạ | 0,54   | 0,61    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,5   | 1,50    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,40    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|     |                                | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,5   | 1,50    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |

| STT         | Tên công trình    | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép        |       |         |                    |        |         |          |        |      | Kết luận |
|-------------|-------------------|------------------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|------|----------|
|             |                   | Tên chỉ tiêu                             | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt  |          |
|             |                   | Giới hạn cho phép                        | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3  |          |
| 112         | Hệ cấp nước K7-P8 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,6   | 1,49    | Không có mùi vị lạ | 0,55   | 0,59    | KPH      | KPH    | 0,15 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,6   | 1,49    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,38    | KPH      | KPH    | 0,14 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,6   | 1,49    | Không có mùi vị lạ | 0,51   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,13 | Đạt      |
| 113         | Hệ cấp nước K5-P4 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,7   | 1,13    | Không có mùi vị lạ | 0,35   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,7   | 1,13    | Không có mùi vị lạ | 0,33   | 0,35    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,7   | 1,13    | Không có mùi vị lạ | 0,31   | 0,22    | KPH      | KPH    | 0,21 | Đạt      |
| 114         | Hệ cấp nước K6-P4 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,4   | 1,15    | Không có mùi vị lạ | 0,47   | 0,62    | KPH      | KPH    | 0,24 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,4   | 1,15    | Không có mùi vị lạ | 0,45   | 0,42    | KPH      | KPH    | 0,23 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,4   | 1,15    | Không có mùi vị lạ | 0,43   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,22 | Đạt      |
| 115         | Hệ cấp nước K3-P7 | Kết quả thử nghiệm (mẫu đầu nguồn)       | 7,0   | 1,15    | Không có mùi vị lạ | 0,53   | 0,60    | KPH      | KPH    | 0,20 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (trên tuyến ống mạng) | 7,0   | 1,15    | Không có mùi vị lạ | 0,52   | 0,46    | KPH      | KPH    | 0,19 | Đạt      |
|             |                   | Kết quả thử nghiệm (mẫu cuối nguồn)      | 7,0   | 1,15    | Không có mùi vị lạ | 0,50   | 0,23    | KPH      | KPH    | 0,18 | Đạt      |
| Tổng số mẫu |                   |                                          |       |         |                    |        |         |          |        |      | 115      |



| STT              | Tên công trình | Tên chỉ tiêu và giới hạn cho phép |       |         |                    |        |         |          |        |     | Kết luận |
|------------------|----------------|-----------------------------------|-------|---------|--------------------|--------|---------|----------|--------|-----|----------|
|                  |                | Tên chỉ tiêu                      | pH    | Màu sắc | Mùi, vị            | Độ đục | Clo dư  | Coliform | E.coli | Sắt |          |
|                  |                | Giới hạn cho phép                 | 6-8,5 | 15      | Không có mùi vị lạ | 2      | 0,2-1,0 | <3       | <1     | 0,3 |          |
| Số mẫu đạt       |                |                                   |       |         |                    |        |         |          |        | 115 |          |
| Số mẫu không đạt |                |                                   |       |         |                    |        |         |          |        | 0   |          |

Lập biểu

  
Mai Thị Bảo Cúc

Phòng Cấp nước an toàn

  
Ngô Thông Nhất



*Trương Văn Khải*